KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	34,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	14.1%	41.7%

DT thuần — 2024: **232** tỷ VNĐ — YoY ▲ 15.0 ▲ 6.8%

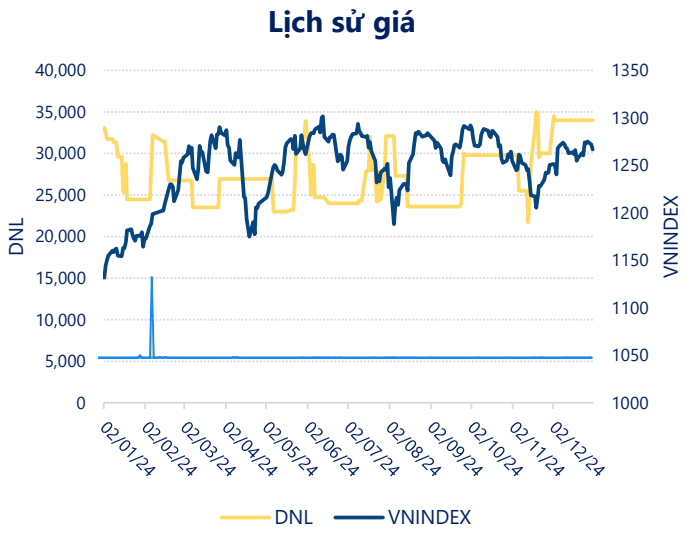
LN gộp — 2024: **38.6** tỷ VNĐ — YoY ▲ 5.70 ▲ 17.4%

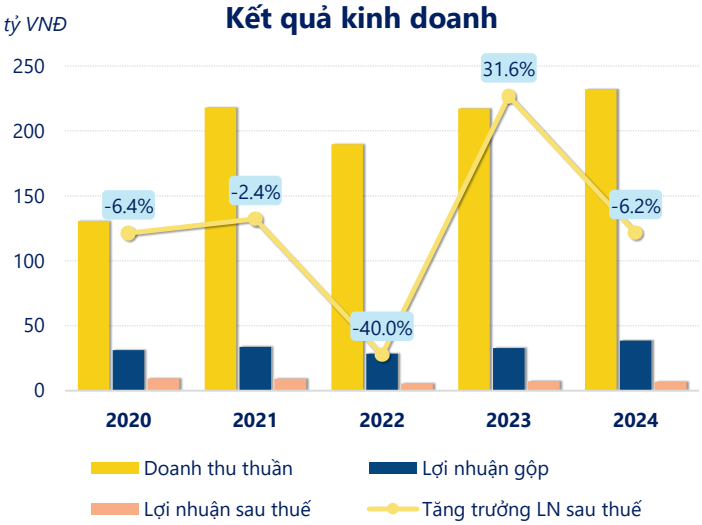
LN thuần — 2024: **8.58** tỷ VNĐ — YoY ▼ 0.84 ▼ 8.9%

LN sau thuế — 2024: **6.88** tỷ VNĐ — YoY ▼ 0.46 ▼ 6.2%

ROE — 2024: **11.4%** — +/- YoY ▼ 1.1%

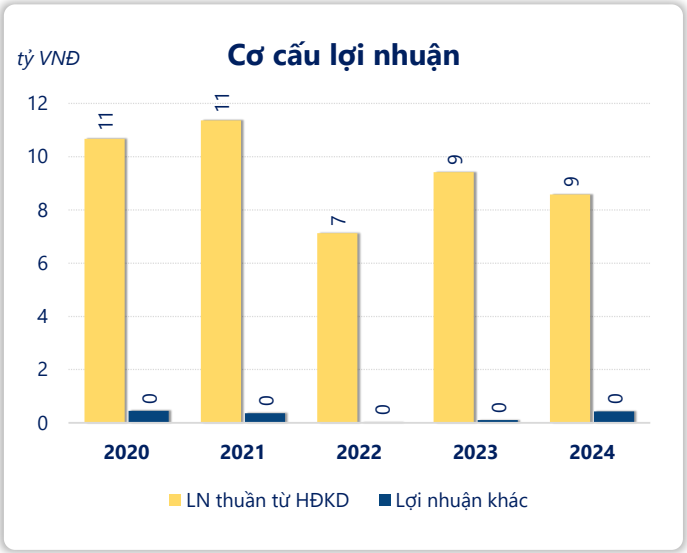
ROA — 2024: **8.2%** — +/- YoY ▼ 1.1%

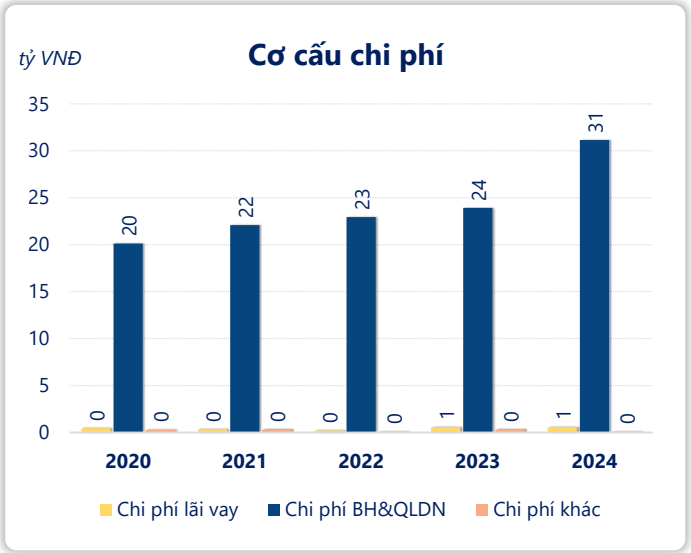




Kết quả kinh doanh **DNL** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **232.1** tỷ đồng **tăng 6.78%**, lợi nhuận sau thuế đạt **6.88** tỷ đồng **giảm 6.24%**.

Mặc dù doanh thu thuần tăng nhưng lợi nhuận sau thuế giảm, có thể do sự gia tăng của chi phí hoạt động hoặc giá vốn. Tuy nhiên, với **ROE** là **11.4%** thì công ty vẫn có mức sinh lợi ổn định và đảm bảo hiệu quả hoạt động.

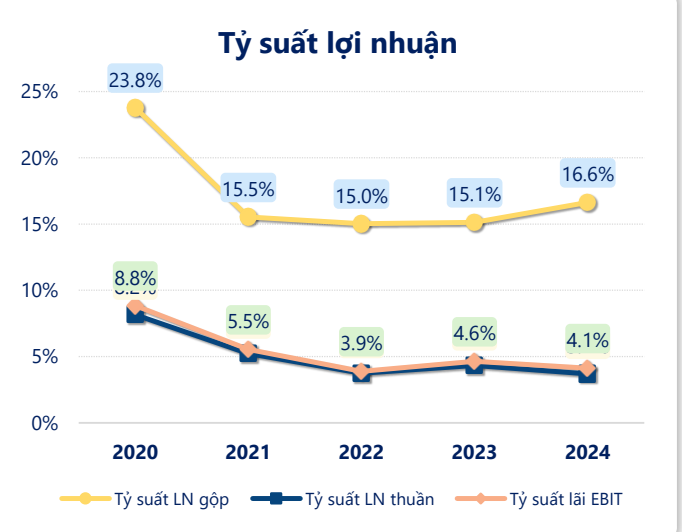


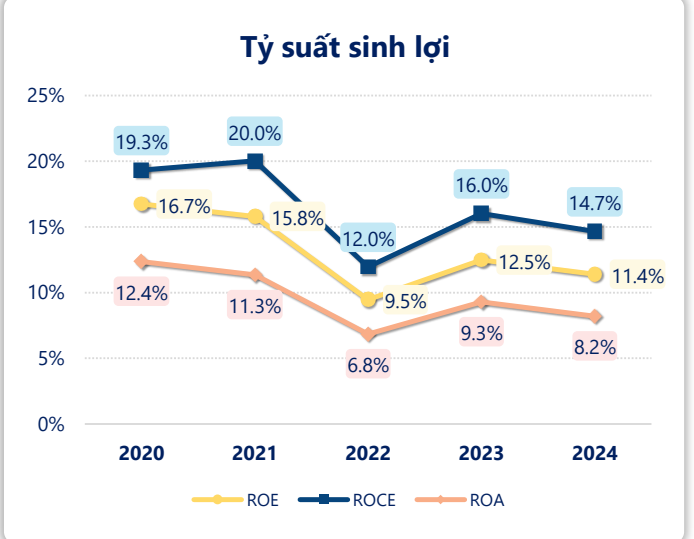


Năm **2024**, **DNL** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **8.58** tỷ đồng, **giảm đi 0.84** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (9.43 tỷ đồng) là 0.85 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

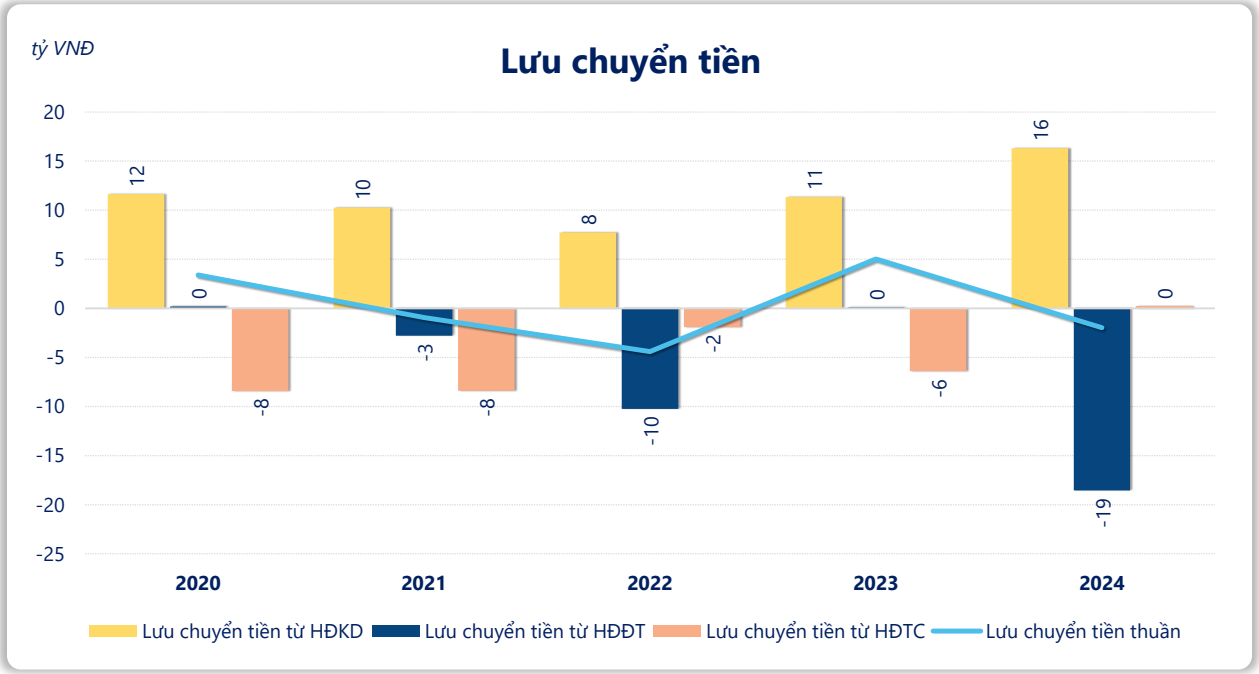
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **0.57** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **31.16** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.08** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của DNL năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **11.4%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**131**	**218**	**190**	**217**	**232**
Giá vốn hàng bán	99.7	184	161	185	194
Lợi nhuận gộp	**31.1**	**33.8**	**28.5**	**32.9**	**38.6**
Doanh thu HĐTC	0.44	0.44	2.21	1.65	2.03
Chi phí TC	0.76	0.82	0.67	1.20	0.88
Chi phí lãi vay	**0.45**	**0.34**	**0.22**	**0.55**	**0.57**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	20.1	22.1	22.9	23.9	31.2
LN thuần từ HĐKD	**10.7**	**11.4**	**7.13**	**9.42**	**8.58**
Lợi nhuận khác	0.44	0.36	0.03	0.11	0.43
LN trước thuế	**11.1**	**11.7**	**7.16**	**9.52**	**9.00**
Lợi nhuận sau thuế	**9.52**	**9.29**	**5.58**	**7.34**	**6.88**
LNST của CĐ cty mẹ	**9.52**	**9.29**	**5.58**	**7.34**	**6.88**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của DNL bằng **-1.97** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (5.03 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **16.33** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-18.54** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.25** tỷ đồng.